| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN V**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 16/2020/QĐST-HNGĐ | *V, ngày 13 tháng 02 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 15/2020/TLST - VDS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp x, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1] Về quan hệ hôn nhân**:

Bà Bùi Thị Y và ông Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 01/6/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: theo bà Y và ông T là do phong tục tập quán giữa hai miền khác biệt, bà Y là người miền Nam, ông T là người miền Bắc nên khó thích nghi, không thể hòa hợp được. Ông T phải thường xuyên về quê trông nom, chăm sóc bố mẹ già. Từ tháng 11/2016 ông T về quê ở hẳn tại thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Ông T không liên lạc và cũng không quan tâm gì đến bà Y. Nay bà Y và ông T đều xác định tình cảm vợ chồng không

còn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa ông, bà.

**[2] Về quan hệ con chung**: Bà Nguyễn Thị Y và ông Bùi Văn T đều xác định: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**[3] Về quan hệ tài sản**: Bà Y và ông T thống nhất: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

**[4] Về lệ phí:** Bà Y và ông T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận của bà Y, ông T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội .

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y và ông Bùi Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Y và ông T không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Y, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2**. Về lệ phí Tòa án: Bà Y, ông T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số 0003719 và Biên lai số 0003720 ngày 04/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện V;
- UBND xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai (GCNKH: Số 85; quyển số 01/2011);
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu HCTP.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*